TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG** _____	**H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____

Bản án số: 48/2021/HS-ST
Ngày 24/9/2021

NHÂN DANH
NƯỚC H3 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Nhung.

Ông Nguyễn Văn Hoàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:

Bà Đào Thị Huế, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 24 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 33/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2021/HSST-QĐ ngày 08/9/2021 đối với bị cáo:

Hoàng Văn Ch, sinh năm 1986, tại huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: Lô Y1-Y2 khu dân cư 19/4, phường P, thành phố P1, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hoá (học vấn) 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn N và bà Nguyễn Thị Ng1; vợ là Nguyễn Phạm Thị Huyền V1, sinh năm 1989; bị cáo có 01 con sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị bắt truy nã và tạm giữ từ ngày 03/4/2021, chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 06/4/2021; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Ch: Ông Đoàn Văn H6 - Luật sư, Văn phòng luật sư Nam Hải, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Hải Dương; Địa chỉ: Tiền Trung, Q, thành phố D1, tỉnh Hải Dương. Có mặt.

- Bị hại:

1. Anh **Đồng Quang H7**, sinh năm 1984.

Chị **Trần Thị Thu Th2**, sinh năm 1986. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn X1, xã Q2, thành phố D1, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phương: Anh Đồng Quang H7, sinh năm 1984. Trú tại: Thôn X1, xã Q2, thành phố D1, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2021).

Anh H7 có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

2. Ông **Trịnh Văn T**, sinh năm 1967.

Bà **Phạm Thị Th3**, sinh năm 1973. Vắng mặt.

Đều trú tại: Thôn Nam, xã L6, huyện H2, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Th3: Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1967. Trú tại: Thôn Nam, xã L6, huyện H2, tỉnh Hải Dương (theo giấy ủy quyền ngày 20/5/2021).

Anh T có mặt tại phiên tòa, vắng mặt khi tuyên án.

- ***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan***:

Ông **Hoàng Văn N**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Thôn S, xã L1, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- ***Người làm chứng***:

1. Anh Đặng Văn L2, sinh năm 1992. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn M, xã L3, huyện L4, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn 5, xã Gi, huyện X, tỉnh Thanh Hóa.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Ph, thị xã H1, tỉnh Hưng Yên.

4. Anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1974. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn L5, xã V, huyện H2, tỉnh Hải Dương.

5. Anh Tạ Văn Kh, sinh năm 1971. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Ph1, xã H3, huyện S1, tỉnh Hải Dương.

6. Anh Nguyễn Đức H4, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn Th, phường Q, thành phố D1, tỉnh Hải Dương.

7. Anh Lê Văn Q1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Đội 2, xã H5, huyện S1, tỉnh Hải Dương.

8. Anh Nguyễn Kim Th1, sinh năm 1993. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn A, xã H3, huyện S1, tỉnh Hải Dương.

9. Anh Nguyễn Văn Ch1, sinh năm 1983. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ1, xã Q2, thành phố D1, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 15/01/2018 đến ngày 21/11/2018, Hoàng Văn Ch là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH I Hải Dương Việt Nam *(sau đây gọi tắt là công ty I)*, có địa chỉ tại Lô XN6-1 khu công nghiệp Đ2, thị trấn C, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; ngành nghề kinh doanh: sản xuất thức ăn chăn nuôi. Công ty I có một số chế độ hỗ trợ cho các đại lý mua cám như: chiết khấu theo đầu bao, chiết khấu sản lượng theo tháng/quý/năm, không hỗ trợ về máng lợn, thuốc thú y, vắc xin và chỉ áp dụng với đại lý của công ty, không áp dụng với các hộ chăn nuôi. Trong thời gian làm việc tại công ty, Ch được phân công làm Tổ trưởng tổ khai thác huyện H2, có nhiệm vụ giúp đại lý tiếp cận các hộ chăn nuôi để đại lý bán cám, các đại lý không được giao cám cho Ch mang đi bán. Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến hết tháng 9/2018, Ch đến đại lý thức ăn chăn nuôi của gia đình anh Đồng Quang H7, sinh năm 1984, ở thôn X1, xã Q2, huyện H2, tỉnh Hải Dương *(nay là xã Q2, thành phố D1)* và ông Trịnh Văn T, sinh năm 1967, ở thôn Nam, xã L6, huyện H2 giới thiệu là nhân viên kinh doanh phụ trách phát triển thị trường huyện H2 *(thời gian sau Ch nói là Giám đốc vùng Hải Dương)* của công ty I mời anh H7, ông T làm đại lý bán cám cấp I cho công ty tại khu vực H2, ông T và Anh H7 đồng ý. Quá trình tiếp thị sản phẩm, Ch quen biết nhiều hộ chăn nuôi mua cám với số lượng lớn tại huyện H2, nên nói với ông T , Anh H7 nếu đại lý bán được nhiều sản lượng thì được hưởng nhiều chính sách ưu đãi của công ty, Ch sẽ lấy cám từ đại lý của anh H7, ông T đem đi bán cho các hộ chăn nuôi rồi thu tiền về trả cho anh H7, ông T . Mặc dù biết quy định của công ty không cho phép nhân viên kinh doanh của công ty được lấy cám từ đại lý bán cho hộ chăn nuôi nhưng Anh H7 và ông T vẫn đồng ý lấy cám từ công ty I giao cho Ch đem đi bán. Để tăng sản lượng Ch tự ý bán cám cho các hộ chăn nuôi với giá thấp hơn giá lấy từ đại lý, đồng thời hứa hẹn với các hộ chăn nuôi sẽ hỗ trợ một số chế độ như: hỗ trợ đầu con giống, máng lợn, thuốc thú y, vắc xin. Sau khi bán cám và nhận đủ tiền từ các hộ chăn nuôi, Ch dùng một phần trả cho anh H7, ông T , số còn lại Ch chi tiêu cá nhân và ký nhận nợ với ông T , anh H7. Đến khoảng tháng 11/2018, do sử dụng tiền bán cám để chi tiêu cá nhân và bán cám với giá thấp hơn giá lấy từ đại lý nên Ch không có tiền trả ông T , Anh H7 đã nói dối đại lý là hộ chăn nuôi chưa trả tiền cho Ch và viết giấy nhận nợ với ông T , Anh H7 rồi tự nghỉ việc tại công ty I. Đến khoảng tháng 6/2019, Ch thay số điện thoại, không trả tiền cho Anh H7 và ông T như đã cam kết và bỏ trốn để chiếm đoạt tổng số tiền 1.679.360.000 đồng của ông T và anh H7, cụ thể như sau:

1. Hành vi chiếm đoạt số tiền 617.660.000 đồng của gia đình anh Đồng Quang H7, sinh năm 1984, trú tại: thôn X1, xã Q2, huyện H2, tỉnh Hải Dương *(nay là xã Q2, thành phố D1)*:

Từ cuối tháng 01/2018 đến ngày 22/3/2018, Anh H7 nhiều lần giao cám cho Ch mang đi bán cho anh Nguyễn Đình Ng, sinh năm 1974 ở xóm 5, xã V, huyện H2 với giá thấp hơn giá cám lấy từ đại lý H7, ngoài ra Ch còn tự hỗ trợ anh

Ng tiền máng lợn, tiền vác xin, tiền hỗ trợ đầu con...và thống nhất với anh Ng đối trừ vào tiền cám anh Ng phải trả Ch *(Anh H7 và Ch đều không xác định được Ch đã lấy bao nhiêu bao cám, trị giá bao nhiêu tiền).* Số tiền anh Ng trả, Ch mang về trả anh H7, đến ngày 22/3/2021, hai bên chốt nợ và thống nhất Ch còn nợ Anh H7 số tiền 198.050.000 đồng. Tiếp đó, từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/5/2018 Ch lấy 3.478 bao cám các loại trị giá 957.215.000 đồng từ đại lý của Anh H7 mang bán cho anh Ng, tổng số cám Ch bán cho anh Ng sau khi trừ đi các khoản hỗ trợ, anh Ng đã trả Ch 1.271.990.000 đồng.

Ngày 24/5/2018 Ch trả cho Anh H7 số tiền 268.500.000 đồng, còn nợ lại 886.765.000 đồng và cam đoan trả lại số tiền nợ trên cho Anh H7 vào ngày 26/7/2018. Đến ngày 26/7/2018, Ch trả Anh H7 245.000.000 đồng, từ ngày 11/8/2018 đến 28/5/2019 Ch 4 lần trả cho Anh H7 số tiền 155.000.000 đồng, còn lại 486.765.000 đồng tiền cám, 38.400.000 đồng tiền Anh H7 mua máng lợn để hỗ trợ cho các hộ chăn nuôi và nợ tiền thuốc thú y là 92.495.000 đồng. Tổng số tiền cám, máng lợn và thuốc thú y Ch còn chiếm đoạt của gia đình Anh H7 là 617.660.000 đồng. Ngày 23/4/2021 ông Hoàng Văn N *(bố đẻ Ch)* đã thay Ch trả Anh H7 số tiền 10.000.000 đồng, còn lại 607.660.000 đồng, Anh H7 yêu cầu Ch có trách nhiệm hoàn trả anh số tiền trên.

2. Hành vi chiếm đoạt số tiền 1.061.700.000 đồng của gia đình ông Trịnh Văn T, sinh năm 1967 ở thôn Nam, xã L6, huyện H2, tỉnh Hải Dương:

Trong thời gian từ ngày 26/6/2018 đến ngày 29/9/2018, Ch lấy từ đại lý của ông T tổng số 6.440 bao cám các loại, trị giá 1.786.100.000 đồng mang đi bán cho các hộ chăn nuôi, gồm: Bán cho anh Nguyễn Đình Ng ở xã V, huyện H2 5.964 bao, sau khi trừ đi các khoản hỗ trợ, anh Ng trả Ch đủ số số tiền mua cám là 1.281.880.000 đồng; bán cho anh Tạ Văn Kh, sinh năm 1971 trú tại: thôn Ph1, xã H3, huyện S1 mang 160 bao được 40.000.000 đồng; mang 280 bao cám đi trả thưởng cho đại lý của anh Đồng Quang H7 *(do Ch tự hứa thưởng cho anh H7).* Sau khi nhận tiền bán cám từ anh Ng, anh Kh, Ch trả cho gia đình ông T số tiền 724.400.000 đồng, số còn lại Ch đã sử dụng chi tiêu cá nhân hết, còn nợ gia đình ông T 1.061.700.000 đồng. Ngày 23/4/2021 ông Hoàng Văn N *(bố đẻ Ch)* đã thay Ch trả ông T số tiền 20.000.000 đồng, còn lại 1.041.700.000 đồng ông T yêu cầu Ch có trách nhiệm hoàn trả ông số tiền trên, ngoài ra không yêu cầu đề nghị gì khác.

Quá trình điều tra, anh H7, ông T , anh Ng đã giao nộp cho Cơ quan điều tra các đồ vật, tài liệu thể hiện việc giao nhận, mua bán cám với Ch gồm:

+ 02 (hai) tờ giấy kích thước khoảng 29x21cm liệt kê các lần Anh H7 giao cám cho Ch, việc ký nhận nợ, trả tiền của Ch cho anh H7.

+ 01 (một) tờ giấy kích thước khoảng 29x21cm, màu xanh có viết nội dung ghi nhận việc Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D trả tiền cho anh H7.

+ 09 (chín) phiếu bán hàng qua điện thoại của công ty I cho khách hàng Đồng Quang H7.

+ 05 (năm) phiếu bán hàng trực tiếp của công ty I cho khách hàng Đồng Quang H7.

+ 07 (bảy) tờ giấy kẻ ô ly, kích thước khoảng 25x18cm, được đánh số thứ tự từ 1 đến 7 có nội dung Ch ký nhận việc lấy thuốc thú y của anh H7.

+ 12 (mười hai) giấy nộp tiền, người nhận là Công ty I, nội dung "đại lý Đồng Quang H7 chuyển tiền hàng" tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Giấy ủy quyền tham gia tố tụng giữa bên ủy quyền là chị Trần Thị Thu Th2 và bên nhận ủy quyền là anh Đồng Quang H7; Bản photo căn cước công dân của chị Trần Thị Thu Th2 và anh Đồng Quang H7.

+19 (mười chín) phiếu bán hàng qua điện thoại của công ty I bán hàng cho khách hàng Trịnh Văn T.

+ 06 (sáu) phiếu xuất kho bán hàng của công ty bán hàng cho khách hàng Trịnh Văn T.

+ 26 (hai mươi sáu) giấy nộp tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, nội dung người nộp tiền là Trịnh Văn T, người nhận tiền là công ty I.

+ 01 (một) phiếu thu đề ngày 30/6/2018 có nội dung ông Trịnh Văn T nộp tiền mua hàng tại công ty I.

+ 01 (một) quyển vở kẻ ngang, kích thước khoảng 25x18cm, bìa đằng trước có in chữ Sở giáo dục & đào tạo Hải Dương Trường THPT Hà Bắc, có viết chữ "Ngôn - Quyên V", trong đó có 07 (bảy) trang có chữ viết đề số thứ tự từ 1 đến 7 có nội dung ghi nhận những lần ông T giao cám cho Ch đi bán cho anh Nguyễn Đình Ng, việc Ch và Đặng Văn L2 trả tiền cho ông T , việc Ch ký nhận nợ.

+ 01 (một) quyển sổ kẻ ngang, kích thước khoảng 27x2 0cm, bìa đằng trước có in chữ GIÁO ÁN, có viết chữ "Nhập hàng Quả táo vàng", trong đó có 07 (bảy) trang có chữ viết đề số thứ tự từ 1 đến 7 có nội dung ghi nhận việc ông T mua cám của công ty I, việc Ch ký nhận nợ.

+ 01 (một) quyển vở ô ly, kích thước khoảng 20x15cm, bìa đằng trước có in chữ Công ty chế biến thức ăn gia súc Himart, có viết chữ "Hàng đi trại QTV", trong đó có 04 (bốn) trang có chữ viết đề số thứ tự từ 1 đến 4 có nội dung ghi nhận việc ông T giao cám cho Ch đi bán, việc Đặng Văn L2 trả tiền cho ông T .

+ 05 (năm) tờ giấy kẻ ngang, kích thước khoảng 25x18cm, có nội dung ghi nhận việc mua cám của Ch, việc trả tiền cho Ch và nhân viên của Ch, việc cho Ch và nhân viên của Ch mượn cám, các khoản hỗ trợ Ch thực hiện với anh Nguyễn Đình Ng.

Tại Kết luận giám định số 66/KLGĐ ngày 11/9/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận:

- Chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Văn Ch trên các giấy tờ, sổ sách do anh Đồng Quang H7 và ông Trịnh Văn T giao nộp với chữ viết, chữ ký đứng tên Hoàng Văn Ch trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết, ký ra.

Chữ viết, chữ ký đứng tên Ng - Nguyễn Đình Ng trên các tờ phiếu bán hàng, phiếu xuất kho do ông Trịnh Văn T giao nộp với chữ viết, chữ ký cùng tên trên các tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người viết ký ra.

Tại Cáo trạng số 35/CT-VKS-P1 ngày 28/5/2021, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương (viết tắt VKSND) đã truy tố Hoàng Văn Ch về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự (viết tắt BLHS).

Tại phiên tòa: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo Ch trình bày: Nhất trí với tội danh như Cáo trạng VKSND tỉnh Hải Dương đã truy tố, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo và tự nguyện bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 BLHS, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh gia đình hết sức khó khăn, vợ bỏ đi, bố mẹ già yếu nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ một phần mức hình phạt đối với bị cáo.

Bị hại là anh Đồng Quang H7 và ông Trịnh Văn T đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải hoàn trả cho vợ chồng Anh H7 số tiền 607.660.000đ, hoàn trả cho vợ chồng ông T số tiền 1.041.700.000đ và đề nghị xem xét xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương thực hành quyền công tố, trình bày luận tội giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Ch phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

- *Về hình phạt chính:* Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Ch từ 13 năm 06 tháng đến 14 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt, tạm giữ 03/4/2021.

- *Về hình phạt bổ sung*: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- *Về xử lý vật chứng*: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (một) chứng minh nhân dân số 261627897, mang tên Hoàng Văn Ch.

- *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; Điều 585, Điều 586, Điều 589 Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Hoàng Văn Ch phải hoàn trả cho vợ chồng ông Trịnh Văn T số tiền 1.041.700.000 đồng và hoàn trả cho vợ chồng anh Đồng Quang H7 số tiền 607.660.000 đồng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Hoàng Văn Ch phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn N và một số người làm chứng vắng mặt, ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 292 và 293 Bộ luật tố tụng hình sự (viết tắt BLTTHS) HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định. Các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hải Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Kiểm sát viên, Người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2018 đến hết tháng 11/2018, Hoàng Văn Ch là nhân viên phát triển thị trường của công ty TNHH I Hải Dương Việt Nam, đã lấy cám từ đại lý cám của gia đình anh Đồng Quang H7, sinh năm 1984, ở thôn X1, xã Q2, huyện H2, tỉnh Hải Dương *(nay là xã Q2, thành phố D1)* với số tiền cám là 1.155.265.000 đồng, tiền thuốc thú y là 92.495.000 đồng, tiền Anh H7 mua máng lợn đưa cho Ch là 38.400.000 đồng và của gia đình ông Trịnh Văn T, sinh năm 1967, ở thôn Nam, xã L6, huyện H2, với tổng số tiền cám trị giá là 1.786.100.000 đồng. Sau đó, Ch đem số cám này bán cho anh Nguyễn Đình Ng ở xã V, huyện H2 và anh Tạ Văn Kh, sinh năm 1971 trú tại: thôn Ph1, xã H3, huyện S1 được tổng số tiền là 2.593.870.000 đồng, Ch trả cho gia đình Anh H7 668.500.000 đồng, trả gia đình ông T số tiền 724.400.000 đồng, số tiền còn lại đến thời hạn cam kết trả nợ nhưng Ch không trả mà nói dối Anh H7 và ông T là các hộ chăn nuôi mua cám của Ch chưa trả tiền, sau đó Ch bỏ trốn chiếm đoạt của gia đình Anh H7 số tiền 617.660.000 đồng và chiếm đoạt của gia đình ông T số tiền 1.061.700.000 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo lợi dụng là nhân viên kinh doanh của Công ty TNHH I Hải Dương Việt Nam nên đã lấy cám từ đại lý cám của gia đình Anh H7 và gia đình

ông T đem đi bán, sau khi thu được tiền đã nói dối Anh H7 và ông T là khách hàng chưa thanh toán hết rồi bỏ trốn. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, mục đích là để có tiền chi tiêu cá nhân nên đã chiếm đoạt của gia đình Anh H7 số tiền 617.660.000 đồng và của gia đình ông T số tiền là 1.061.700.000 đồng, tổng số tiền chiếm đoạt là 1.679.360.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, mỗi lần thực hiện đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *"Phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên toà, bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình và tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* " và *"Người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả"* theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do vậy, cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, với tính chất nguy hiểm do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tách dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Hoàng Văn N là bố đẻ bị cáo Ch đã tự nguyện khắc phục một phần thiệt hại cho gia đình ông T và gia đình Anh H7 với tổng số tiền là 30.000.000 đồng, tuy nhiên ông N tự nguyện cho bị cáo nên bị cáo không phải trả cho ông N số tiền trên.

Buộc bị cáo Hoàng Văn Ch có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng anh Đồng Quang H7 số tiền 607.660.000 đồng và hoàn trả cho vợ chồng ông Trịnh Văn T số tiền 1.041.700.000 đồng.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đối với 01 (*một*) chứng minh nhân dân số 261627897, mang tên Hoàng Văn Ch cơ quan điều tra đã thu giữ, không phải là vật chứng mà là giấy tờ nhân thân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo.

[8] Về án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí sơ thẩm hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c

khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Đối với việc Ch hứa thưởng tiền bán cám cho anh Đồng Quang H7 số tiền 83.936.000 đồng nhưng chưa thực hiện, là giao dịch dân sự nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra nhận được đơn của anh Trần Huy H8, sinh năm 1982 ở thôn L5, xã V, huyện H2, tỉnh Hải Dương, tố cáo Ch lấy 271 bao cám trị giá 76.760.000 đồng của gia đình anh mang đi bán nhưng chưa trả tiền và một lần anh H8 đưa cho Ch 30.000.000 đồng, tổng số tiền Ch còn nợ anh H8 là 106.760.000 đồng đến nay chưa trả. Bị cáo chỉ thừa nhận còn nợ 7.200.000 đồng tiền cám nhưng số tiền này sau khi làm việc với Cơ quan điều tra Ch mới biết mình còn nợ anh H8, không có ý định chiếm đoạt số tiền này, số cám còn lại Ch đã thanh toán xong, số tiền 30.000.000 đồng là tiền anh H8 trả tiền mua cám cho Ch, Ch không nợ anh H8 số tiền này. Ngoài lời khai của anh H8 không có chứng cứ chứng minh Ch còn nợ tiền anh H8 không đủ căn cứ để xem xét xử lý hành vi của Ch như nội dung tố cáo của anh H8. Ngày 22/5/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định không khởi tố vụ án hình sự đối với tố giác về tội phạm của anh Trần Huy H8 là phù hợp với quy định.

Đối với các anh Đặng Văn L2, Nguyễn Văn H, Nguyễn Văn D đều là nhân viên của Công ty I được Ch giao đi lấy cám từ các đại lý, hộ chăn nuôi và nhận tiền từ các hộ chăn nuôi trả cho đại lý nhưng các anh không biết nội dung giao dịch, mua bán cám giữa Ch với anh T, anh H7, anh Ng và cũng không được hưởng lợi ích gì từ số tiền Ch chiếm đoạt nên không có căn cứ xác định các anh đồng phạm với Ch về tội: "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" hay tội phạm khác theo quy định của Bộ luật hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Điều 135 và Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự. Điều 584; Điều 585, Điều 586, Điều 589; Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn Ch phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Ch **13** (*mười ba*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 03/4/2021.

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Hoàng Văn Ch có trách nhiệm hoàn trả cho vợ chồng anh Đồng Quang H7 và chị Trần Thị Thu Th2 số tiền 607.660.000[đ]

(*Sáu trăm linh bẩy triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng*); hoàn trả cho vợ chồng ông Trịnh Văn T và bà Phạm Thị Th3 số tiền 1.041.700.000đ (*Một tỷ không trăm bốn mốt triệu bẩy trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, trả lại cho bị cáo 01 (*một*) chứng minh nhân dân số 261627897, mang tên Hoàng Văn Ch.

5. Về án phí: Bị cáo Hoàng Văn Ch phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 61.480.800đ (*Sáu mốt triệu bốn trăm tám mươi nghìn tám trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *VKSND tỉnh Hải Dương;*
- *CQ CSĐT, CQ T.H.A hình sự, Phòng nghiệp vụ Công an tỉnh Hải Dương;*
- *Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;*
- *Cục T.H.A dân sự tỉnh Hải Dương;*
- *Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;*
- *Bị cáo, bị hại, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu hồ sơ, lưu Tòa, lưu Văn phòng;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường

(đã ký)